

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 13 - 12 - 2024

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Ông Dương Hùng Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 11 và 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 152/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Cẩm G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Lữ Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đình C, Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngô Đình C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 362A, đường N, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Lữ Văn P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm G trình bày:**

- Về hôn nhân: Năm 2019, bà và ông P tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời

gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2022 đến nay ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

- Về con chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ 01 chiếc xe hiệu AirBlade, biển số 69K1 - 341.17 mua năm 2021, ông P đứng tên giấy đăng ký xe và hiện do ông P quản lý, trị giá xe hiện nay là 30.000.000 đồng. Tại cuộc hòa giải ngày 10/4/2024, ông P thống nhất chuyển tên và giao trả xe cho bà nên bà yêu cầu được nhận xe và yêu cầu ông P chuyển tên quyền sở hữu cho bà.

+ 01 căn nhà cấp 4 diện tích 115m², nền lót gạch men, mái tol, sóng vuông, vách tường và cổng rào, nâng nên năm 2021 với giá 450.000.000 đồng, cất trên phần đất của ông P, trị giá căn nhà và hàng rào hiện nay là 300.000.000 đồng, tại cuộc hòa giải ngày 10/4/2024, ông P thống nhất giao nhà cho bà, khi ly hôn bà yêu cầu chia 70% giá trị với số tiền 210.000.000 đồng, ông P nhận nhà và hoàn lại giá trị cho bà.

** Bị đơn ông Lữ Văn P trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà G về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ tháng 10/2023, nay bà G yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- Về con chung và nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, bà G có bỏ tiền ra để xây dựng căn nhà cấp 4 và hàng rào trước nhà trị giá 300.000.000 đồng, bà G yêu cầu ông hoàn trả 210.000.000 đồng do bà G là người bỏ tiền, ông là người có công xây cất, ông không đồng ý vì hiện ông không đủ điều kiện chi trả, ông yêu cầu bà G di dời căn nhà cấp 4 và hàng rào trước nhà khỏi phần đất của ông.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 152/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P Quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Cẩm G và ông Lữ Văn P là vợ chồng.

Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm G về việc phân chia tài sản chung là một căn nhà và hàng rào.

- Giao cho ông P được quản lý, sử dụng căn nhà và hàng rào xây dựng trên phần đất của ông P, tọa lạc ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện P, tỉnh Cà Mau, có hiện trạng như sau:

Nhà cấp 4: ngang 7,5m; dài 20,75m, móng bê tông cốt thép, tường gạch, vách thiếc, nền xi măng lát gạch men, kết cấu mái đỡ khung thép, mái tôn.

Hàng rào: dài 21,95m, cao 1,5m (khung cột bê tông cốt thép, tường gạch 20 cao 0,5m, rào thép cao 1m).

- Buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền: 468.387.607 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà G về việc phân chia tài sản chung là chiếc xe hiệu AirBlade, biển kiểm soát 69K1- 341.17.

Bà G có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/8/2024, ông Lữ Văn P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại giá nhà hoặc định giá lại vì công ty thẩm định giá đã định giá sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận:

Ông P tranh luận: Sau khi Tòa án ngừng phiên tòa để định giá lại thì ông và bà G đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Ông đồng ý nhận toàn bộ căn nhà, ông sẽ giao lại cho bà G số tiền 250.000.000 đồng.

Bà G tranh luận: Bà đồng ý theo thỏa thuận, bà giao toàn bộ căn nhà cất trên đất ông P và ông P giao lại cho bà 250.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung vợ chồng, giao cho ông P tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà, ông P có nghĩa vụ giao cho bà G số tiền giá trị căn nhà được hưởng là 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung với ông P. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà G nên ông P kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông P bà G chung sống với nhau năm 2019, không có đăng ký kết hôn nên khi phát sinh tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Án sơ thẩm căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P bà G là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Ông P kháng cáo về phần tài sản chung, theo ông P xác định chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định quốc tế Đông Dương thể hiện giá trị căn nhà là 669.125.154 đồng (trong đó: Nhà cấp 4: 629.125.154 đồng; hàng rào: 39.796.330 đồng) là không phù hợp nên yêu cầu định giá lại.

Xét thấy, căn nhà chung của ông P và bà G được xây dựng trên đất của ông P, có kết cấu theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và chứng thư thẩm định giá thể hiện hiện trạng căn nhà như sau: Nhà cấp 4: ngang 7,5m; dài 20,75m, móng bê tông cốt thép, tường gạch, vách thiếc, nền xi măng lát gạch men, kết cấu mái đỡ khung thép, mái tôn; Hàng rào: dài 21,95m, cao 1,5m (khung cột bê tông cốt thép, tường gạch 20 cao 0,5m, rào thép cao 1m).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và bà G thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung, cụ thể: Ông P đồng ý giao lại cho bà G số tiền 250.000.000 đồng tương đương với 70% giá trị căn nhà, ông P được nhận 30% giá trị căn nhà tương đương số tiền 107.142.000 đồng. Bà G đồng ý nhận số tiền 250.000.000 đồng và giao toàn bộ căn nhà, hàng rào lại cho ông P quản lý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Các đương sự thỏa thuận chia đôi chi phí tố tụng. Chi phí thẩm định giá là 8.600.000 đồng bà G đã nộp xong, ông P có nghĩa vụ hoàn lại cho bà G số tiền 4.300.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Bà G phải chịu án phí gồm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng; Án phí trên giá trị tài sản được chia 250.000.000 đồng là 12.500.000 đồng.

- Ông P phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia 107.142.000 đồng là 5.357.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lữ Văn P không phải chịu theo quy định của pháp luật, có nộp tạm ứng được nhận lại.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lữ Văn P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Cẩm G và ông Lữ Văn P là vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung là một căn nhà và hàng rào.

Giao cho ông Lữ Văn P được quản lý, sử dụng căn nhà và hàng rào xây dựng trên phần đất của ông P, tọa lạc ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện P, tỉnh Cà Mau, có hiện trạng như sau:

Nhà cấp 4: ngang 7,5m; dài 20,75m, móng bê tông cốt thép, tường gạch, vách thiếc, nền xi măng lát gạch men, kết cấu mái đỡ khung thép, mái tôn.

Hàng rào: dài 21,95m, cao 1,5m (khung cột bê tông cốt thép, tường gạch 20 cao 0,5m, rào thép cao 1m).

- Buộc ông Lữ Văn P có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Cẩm G số tiền: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà G về việc phân chia tài sản chung là chiếc xe hiệu AirBlade, biển kiểm soát 69K1- 341.17. Bà G có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá là 8.600.000 đồng bà G đã nộp xong, ông P có nghĩa vụ hoàn lại cho bà G số tiền 4.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. *Án phí sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Cẩm G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí trên giá trị tài sản được chia là 12.500.000 đồng, tổng số tiền là 12.800.000 đồng. Ngày 28/5/2024, bà G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.300.000

đồng (biên lai số 0003550) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu, số tiền còn thiếu phải nộp tiếp.

Ông Lữ Văn P phải chịu án phí là 5.357.000 đồng (chưa nộp).

5.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Lữ Văn P không phải chịu. Ngày 27/8/2024, ông P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0003804) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào